

Số: 16 /2026/CBTT-CMH

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam
 - Mã chứng khoán: CMS
 - Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Xuân Phương, Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ: 0243 573 8555
 - E-mail: info@cmhgroup.vn Website: cmhgroup.vn
 - Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://cmhgroup.vn/danh-muc/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VT.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật




TỔNG GIÁM ĐỐC
Kim Ngọc Nhân

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam ngày 24/04/2026;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam ngày 24/04/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Điều 3. Thông qua Kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2025; Kế hoạch kinh doanh và dự kiến cổ tức năm 2026 với một số chỉ tiêu chính như sau:

3.1. Thông qua kết quả kinh doanh và cổ tức năm 2025 với một số chỉ tiêu chính sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	% TH/KH
1	Doanh thu bán hàng	333.777	340.779	102,10%
2	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	43.553	34.901	80,13%
3	Cổ tức	5% bằng tiền	5% bằng tiền	

3.2. Thông qua kế hoạch kinh doanh và dự kiến cổ tức năm 2026 với một số chỉ tiêu chính sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	% tăng trưởng
1	Doanh thu bán hàng	340.779	368.431	108%
2	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	34.901	29.431	84%
3	Cổ tức	5% bằng tiền	10% (5% bằng tiền ; 5% bằng cổ phiếu)	



Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty và Phương án phân phối lợi nhuận (chi tiết theo Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của Hội đồng Quản trị).

Điều 5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, cụ thể như sau:

Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 được lựa chọn là:

Tên công ty: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội

Địa chỉ: 40 đường Giảng Võ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

Mã số ĐKKD: 0300449815 – 002

Điều 6. Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung (chi tiết theo Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của Hội đồng Quản trị).

Điều 7. Thông qua Quy chế Quản trị nội bộ Công ty sửa đổi, bổ sung (chi tiết theo Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của Hội đồng Quản trị).

Điều 8. Thông qua việc ký kết Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng bổ sung các hạng mục: thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Dự án Khách sạn Lomore Phan Thiết (chi tiết theo Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của Hội đồng Quản trị).

Điều 9. Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại khu đất đơn vị ở phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ (chi tiết theo Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của Hội đồng Quản trị).

Điều 10. Thông qua chủ trương tham gia đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sơn (chi tiết theo Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của Hội đồng Quản trị).

Điều 11. Thông qua việc chấp thuận cho ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT hoặc nhóm cổ đông (gồm ông Phạm Minh Phúc và người có liên quan) mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu và đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai (chi tiết theo Tờ trình số 09/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của Hội đồng Quản trị).

Điều 12. Thông qua chủ trương về việc thoái/giảm vốn góp cổ phần của Công ty tại Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (mã số doanh nghiệp: 0104075049) và Công ty cổ phần Xây lắp môi trường (mã số doanh nghiệp: 6400308865) (chi tiết theo Tờ trình số 10/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của Hội đồng Quản trị).

Điều 13. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đã được thông qua toàn văn tại cuộc họp. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban liên quan căn cứ Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- HNX, SSC & website;
- Như Điều 13;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA *Amura*
Phạm Minh Phúc
Phạm Minh Phúc



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Tên Doanh nghiệp:** Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (CMH Group)
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội
Mã số Doanh nghiệp: 0102307343 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2007, thay đổi lần thứ 20 ngày 10/11/2025
Thời gian họp: Bắt đầu từ 09h00 ngày 24/04/2026
Kết thúc hồi 11h45 ngày 24/04/2026
Địa điểm: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội

Thành phần tham dự:

- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng 20/03/2026 được lập bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (Sau đây gọi là “Cổ đông tham dự Đại hội”);
- Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT);
- Ban Tổng Giám đốc;
- Khách mời của Đại hội.

A. THỦ TỤC ĐẠI HỘI

I. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (“**Đại hội**”) tại thời điểm 9h00 phút như sau:

Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự Đại hội là: 40 cổ đông (trong đó: 13 cổ đông tham dự trực tiếp, 27 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 14.152.620 cổ phần, chiếm tỷ lệ 55,60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông (*Danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đính kèm*).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ CMH Group, Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

II. Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa Đại hội đã được Đại hội đề cử và biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các Ông/Bà có tên sau:

- Ông Phạm Minh Phúc Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa Đại hội



- Ông Kim Ngọc Nhân – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 - Ông Trần Văn Trung - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- III. Ban Thư ký đã được Đại hội đề cử và biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các Ông/Bà có tên sau:**
- Bà Đinh Thị Thùy - Trưởng Ban
 - Ông Phạm Thế Phương - Thành viên
- IV. Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội đề cử và biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các Ông/Bà có tên sau:**
- Ông Nguyễn Đức Quang - Trưởng Ban Kiểm phiếu
 - Bà Bùi Thị Minh Anh - Thành viên
- V. Cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:**
- Ban tổ chức cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đến thời điểm 10 giờ 00 phút ngày 24/04/2026. Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là: 43 cổ đông (trong đó: 16 cổ đông tham dự trực tiếp, 27 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 14.455.821 cổ phần, chiếm tỷ lệ 56,80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Thông qua nội dung Chương trình họp:

1. Quy chế tổ chức Đại hội, Thẻ lệ biểu quyết đã được Đại hội thông qua bằng phương thức biểu quyết giơ thẻ biểu quyết tại chỗ với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ đông tham dự tại Đại hội.
2. Chương trình Đại hội (Tài liệu kèm theo) đã được Đại hội thông qua bằng phương thức biểu quyết giơ thẻ biểu quyết tại chỗ với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ đông dự quyết tại Đại hội.

II. Trình bày các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:

1. **Ông Kim Ngọc Nhân – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày:**
Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (Báo cáo đính kèm).
2. **Ông Nguyễn Huy Hoàng – Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán trình bày:**
Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (Báo cáo đính kèm).
3. **Ông Trần Văn Trung – Thành viên HĐQT trình bày:**
 - (i) Tờ trình thông qua Kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh, dự kiến cổ tức năm 2026 (Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm).
 - (ii) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty và phương án phân phối lợi nhuận (Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm).
 - (iii) Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2025 của HĐQT đính kèm).
 - (iv) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm).
 - (v) Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Công ty (Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm).
 - (vi) Tờ trình thông qua việc ký kết Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng bổ sung các hạng mục: thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Dự án Khách sạn

Lemore Phan Thiết (Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm đính kèm).

- (vii) Tờ trình thông qua chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại khu đất đơn vị ở phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ (Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm đính kèm).
- (viii) Tờ trình thông qua chủ trương tham gia đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sơn (Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm đính kèm).
- (ix) Tờ trình thông qua việc chấp thuận cho ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT hoặc nhóm cổ đông (gồm ông Phạm Minh Phúc và người có liên quan) mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu và đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai (Tờ trình số 09/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm đính kèm).
- (x) Tờ trình thông qua chủ trương về việc thoái/giảm vốn góp cổ phần của Công ty tại Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (mã số doanh nghiệp: 0104075049) và Công ty cổ phần Xây lắp môi trường (mã số doanh nghiệp: 6400308865) (Tờ trình số 10/2026/TTr-HĐQT-CMH ngày 30/03/2026 của HĐQT đính kèm đính kèm).

III. Trao đổi và thảo luận:

Sau khi nghe các Báo cáo và Tờ trình, Đại hội đã dành thời gian để cùng thảo luận, lắng nghe các ý kiến trao đổi, đóng góp từ các cổ đông. Thay mặt HĐQT, ông Phạm Minh Phúc đã trả lời các câu hỏi của cổ đông về nội dung các Báo cáo, Tờ trình đã được trình bày tại Đại hội.

Tại Đại hội, các cổ đông tham dự đã đề xuất thay đổi kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026 từ 5% lên 10% (trong đó 5% bằng tiền và 5% bằng cổ phiếu). Đề xuất này đã được 100% cổ đông tham dự tại Đại hội biểu quyết thông qua bằng thẻ biểu quyết và bổ sung nội dung biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu.

IV. Biểu quyết và công bố kết quả:

1. Trưởng Ban Kiểm phiếu cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đến thời điểm 11 giờ 30 phút như sau:

Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHCĐ là: 43 cổ đông (trong đó: 16 cổ đông tham dự trực tiếp, 27 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 14.455.821 cổ phần, chiếm tỷ lệ 56,80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trưởng Ban Kiểm phiếu hướng dẫn Đại hội cách thức biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội.
3. Đại hội tiến hành bỏ phiếu.
4. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội với kết quả như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: 16 phiếu, đại diện cho: 14.455.821 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết thu về: 16 phiếu, đại diện cho: 14.455.821 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 16 phiếu, đại diện cho: 14.455.821 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho: 0 quyền biểu quyết

Kết luận: Theo kết quả kiểm phiếu các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội đã được Đại hội thông qua. (Chi tiết xem tại Biên bản kiểm phiếu)

5. Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội được lập hồi 11 giờ 50 phút và được Ông Nguyễn Đức Quang - Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc trước Đại hội (Biên bản kiểm phiếu đính kèm).
6. Báo cáo kết quả kiểm phiếu được Đại hội thông qua bằng phương thức biểu quyết tại chỗ bằng Thẻ biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

V. Các nội dung đã được thông qua tại Đại hội:

No.	Vấn đề biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết tán thành/ tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành/ tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết	Kết luận
1	Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
2	Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán năm 2025 và kế hoạch năm 2026	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
3	Tờ trình thông qua Kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh, dự kiến cổ tức năm 2026	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
4	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty và Phương án phân phối lợi nhuận	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
5	Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
6	Thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
7	Thông qua toàn văn dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ Công ty sửa đổi, bổ sung	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
8	Tờ trình thông qua việc ký kết Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng bổ sung các hạng mục: thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt	3.444.926/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua

No.	Vấn đề biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết tán thành/ tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành/ tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến/ tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết	Kết luận
	thiết bị Dự án Khách sạn Lemore Phan Thiết				
9	Tờ trình thông qua chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại khu đất đơn vị ở phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
10	Tờ trình thông qua chủ trương tham gia đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sơn	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
11	Tờ trình thông qua việc chấp thuận cho ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT hoặc nhóm cổ đông (gồm ông Phạm Minh Phúc và người có liên quan) mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu và đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai	3.330.825/ 96,69%	0/ 0%	114.101/ 3,31%	Thông qua
12	Tờ trình thông qua chủ trương về việc thoái/giảm vốn góp cổ phần của Công ty tại Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (mã số doanh nghiệp: 0104075049) và Công ty cổ phần Xây lắp môi trường (mã số doanh nghiệp: 6400308865)	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua
13	Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026 là 10% trong đó 5% bằng tiền và 5% bằng cổ phiếu	14.455.821/ 100%	0/ 0%	0/ 0%	Thông qua

Ghi chú: đối với nội dung tại mục số 8 và mục số 11, Ông Phạm Minh Phúc là người có liên quan nên không tham gia biểu quyết đối với nội dung này.

C. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Đinh Thị Thủy – Trưởng Ban Thư ký thay mặt Ban Thư ký Đại hội đọc toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được ĐHĐCĐ thông qua và biểu quyết nhất trí với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Biên bản này được lập vào hồi 12 giờ 00 phút ngày 24/04/2026.

Chủ tọa và Thư ký Đại hội cam kết về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản này và ký tên dưới đây:

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đinh Thị Thủy



Phạm Minh Phúc

Danh mục tài liệu đính kèm:

- Báo cáo của HĐQT
- Báo cáo của UBKT
- Tờ trình số 01/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 02/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 03/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 04/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 05/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 06/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 07/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 08/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 09/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Tờ trình số 10/2026/TTr- HĐQT-CMH
- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông
- Biên bản kiểm phiếu
- Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026
- Thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2026



Số: 01/2026/BBKTTC-CMH

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

BIÊN BẢN

**V/v: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng 20/03/2026 được lập bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

I. Thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

1. Ông Nguyễn Bá Trọng - Trưởng Ban
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thành viên

II. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Tính đến 09 giờ 00 phút ngày 24/04/2026, tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam - Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội, kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi là: "Công ty") như sau:

1. Vốn điều lệ của Công ty là 254.525.000.000 đồng, tương ứng với 25.425.500 cổ phần đang lưu hành với số lượng cổ đông là 1.244.
2. Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHCĐ là: 40 cổ đông (trong đó: 13 cổ đông tham dự trực tiếp, 27 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 14.152.620 cổ phần, chiếm tỷ lệ 55,60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông (*Danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đính kèm*).

III. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông cập nhật tính đến 10 giờ 00:

Tổng số cổ đông tham dự và thông qua người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHCĐ là: 43 cổ đông (trong đó: 16 cổ đông tham dự trực tiếp, 27 cổ đông ủy quyền) đại diện cho 14.455.821 cổ phần, chiếm tỷ lệ 56,80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông (*Danh sách cổ đông tham dự ĐHCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đính kèm*).

Theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, ĐHCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam đủ điều kiện tiến hành.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Bá Trọng

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

**Kết quả biểu quyết các nội dung thảo luận tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam**

Vào lúc 11 giờ 55 phút, ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam – Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội.

Ban kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (say đây gọi là: “Công ty”) chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Đức Quang Trưởng ban
2. Bà Bùi Thị Minh Anh Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu kết quả biểu quyết các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam, kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: 16 phiếu, Đại diện cho: 14.455.821 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết thu về: 16 phiếu, Đại diện cho: 14.455.821 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 16 phiếu, Đại diện cho: 14.455.821 quyền biểu quyết

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Nội dung 1: Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 2: Thông qua toàn văn Báo cáo của Ủy ban kiểm toán năm 2025 và kế hoạch năm 2026

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 3: Thông qua Kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh, dự kiến cổ tức năm 2026

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 4: Thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty và Phương án phân phối lợi nhuận

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận : Nội dung được thông qua.

Nội dung 6: Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận: Nội dung được thông qua.

Nội dung 7: Thông qua Quy chế Quản trị nội bộ Công ty sửa đổi, bổ sung

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận: Nội dung được thông qua.

Nội dung 8: Thông qua việc ký kết Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng bổ sung các hạng mục: thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Dự án Khách sạn Lemore Phan Thiết (Ông Phạm Minh Phúc là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Lemore Phan Thiết nên không tham gia biểu quyết đối với nội dung này)

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	3.444.926	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		3.444.926	100%

Kết luận: Nội dung được thông qua.

Nội dung 9: Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại khu đất đơn vị ở phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận: Nội dung được thông qua.

Nội dung 10: Thông qua chủ trương tham gia đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sơn

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận: Nội dung được thông qua.

Nội dung 11: Thông qua việc chấp thuận cho ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT hoặc nhóm cổ đông (gồm ông Phạm Minh Phúc và người có liên quan) mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu và đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai

(Ông Phạm Minh Phúc là người có liên quan nên không tham gia biểu quyết đối với nội dung này)

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	3.330.825	96,69%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	114.101	3,31%
Tổng cộng		3.444.926	100%

Kết luận: Nội dung được thông qua.

Nội dung 12: Thông qua chủ trương về việc thoái/giảm vốn góp cổ phần của Công ty tại Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (mã số doanh nghiệp: 0104075049) và Công ty cổ phần Xây lắp môi trường (mã số doanh nghiệp: 6400308865)

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận: Nội dung được thông qua.

Nội dung 13: Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026 như sau: 5% bằng tiền và 5% bằng cổ phiếu

STT	Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ %
1	Tán thành	14.455.821	100%
2	Không tán thành	0	0%
3	Không có ý kiến	0	0%
Tổng cộng		14.455.821	100%

Kết luận: Nội dung được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu kết quả biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam được lập xong lúc 11 giờ 50 phút cùng ngày.

Đại Hội đã biểu quyết thông qua biên bản kiểm phiếu với kết quả như sau:

Tổng số phiếu tán thành (Phiếu) : 14.455.821 phiếu

Tổng số phiếu không tán thành (Phiếu) : 0 phiếu

Tổng số phiếu có ý kiến khác (Phiếu) : 0 phiếu

Như vậy, Biên bản kiểm phiếu đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ tán thành 100%

Các thành viên ban kiểm phiếu ký xác nhận vào biên bản kiểm phiếu. Biên bản này được lập thành một (01) bản có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Biên bản kiểm phiếu được lưu trữ cùng Biên bản họp ĐHĐCĐ là một phần của tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu VT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Đức Quang



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP DỰ KIẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM (CMH GROUP)

Thời gian: Từ 9h00 sáng ngày 24 tháng 04 năm 2026

Địa điểm: Trụ sở chính của CMH Group tại Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội

Thời gian	Nội dung dự kiến
8h30 - 9h00	- Tiếp đón, đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
	- Kiểm tra tư cách cổ đông
	- Phát tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ
9h00 - 9h30	- Giới thiệu đại biểu, khách mời tham dự
	- Tuyên bố lý do, báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
	- Biểu quyết thông qua: + Quy chế tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam + Chương trình phiên họp ĐHCĐ thường niên năm 2026 + Nhân sự Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu + Thê lệ biểu quyết
9h30 - 10h45	Thảo luận và thông qua các nội dung:
	- Báo cáo của HĐQT năm 2025 và Kế hoạch năm 2026
	- Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán năm 2025 và kế hoạch năm 2026
	- Tờ trình thông qua Kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh, cổ tức năm 2026
	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty và Phương án phân phối lợi nhuận
	- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026
	- Tờ trình phê duyệt Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung
	- Tờ trình phê duyệt Quy chế Quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung
	- Tờ trình thông qua việc ký kết Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng bổ sung các hạng mục: thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Dự án Khách sạn Lemore Phan Thiết
	- Tờ trình thông qua chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại khu đất đơn vị ở phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ
	- Tờ trình thông qua chủ trương tham gia đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sơn
	- Tờ trình thông qua việc chấp thuận cho ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT hoặc nhóm cổ đông (gồm ông Phạm Minh Phúc và người có liên quan) mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu và đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai
	- Tờ trình thông qua chủ trương về việc thoái/giảm vốn góp cổ phần của Công ty tại Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (mã số doanh nghiệp: 0104075049) và Công ty cổ phần Xây lắp môi trường (mã số doanh nghiệp: 6400308865)
	- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ (nếu có)



Thời gian	Nội dung dự kiến
10h45- 11h00	- ĐHCĐ biểu quyết
11h00 - 11h30	- Đại hội nghỉ giải lao - Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu
11h30 - 11h45	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu - Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHCĐ
11h45	- Tổng kết, bế mạc Đại hội



Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 20/03/2026 được lập bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

QUY ĐỊNH:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tiến hành, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ("**Đại hội**") của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam ("**Công ty**").

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông, người đại diện được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội

3.1 Điều kiện tham dự

Là cổ đông có tên trong danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 20/03/2026 được lập bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách này tham dự Đại hội.

3.2 Quyền của cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- 3.2.1** Được trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản theo mẫu của Công ty cho người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người đại diện theo ủy



quyền của cổ đông tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

- 3.2.2 Ban tổ chức Đại hội đã thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình họp Đại hội. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện được quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 3.2.3 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình phiên họp đã thông qua. Những vấn đề đã được phát biểu và giải đáp thì không phát biểu lại tránh trùng lặp. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi nội dung câu hỏi vào phiếu câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
- 3.2.4 Để đảm bảo thời gian và hiệu quả cho Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền muốn phát biểu phải đăng ký nội dung dự định phát biểu vào phiếu câu hỏi, chuyển đến Ban Thư ký Đại hội.
- 3.2.5 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng một phiếu biểu quyết.
- 3.2.6 Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu bầu cho người do họ đề cử. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm.
- 3.2.7 Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội khi tới tham dự Đại hội được nhận một Phiếu biểu quyết sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết bằng tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc số cổ phần mà cổ đông đó được đại diện theo ủy quyền (nếu có).
- 3.2.8 Tại Đại hội, các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông tham dự Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng nội dung bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm phiếu.
- 3.2.9 Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết đối với các nội dung chưa biểu quyết còn lại theo chương trình của Đại hội. Trong trường hợp này, Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được Đại hội biểu quyết trước khi cổ đông này đến không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

- 3.3.1 Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp phải mang theo các giấy tờ sau:
 - Đối với cổ đông là cá nhân:

- + Thẻ căn cước công dân (CCCD)/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.

Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), người được ủy quyền phải mang theo:

- + Thẻ CCCD/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng; và
- + Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công ty.

- Đối với cổ đông là tổ chức:

- + Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ); và
- + Thẻ CCCD/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.

Trường hợp cổ đông là tổ chức mà người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức đã ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội, người được ủy quyền tham dự xuất trình thêm:

- + Thẻ CCCD/Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;
- + Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (bản sao có chứng thực hợp lệ); và
- + Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công ty và có dấu của tổ chức.

3.3.2 Xuất trình đầy đủ các giấy tờ nêu trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.

3.3.3 Trong thời gian tiến hành Đại hội, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự.

3.3.4 Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

3.3.5 Nghiêm cấm cổ đông thực hiện các hành vi vi phạm quy định về an ninh, trật tự làm ảnh hưởng đến việc tổ chức Đại hội bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi sau:

- Mặc các trang phục, sử dụng các vật dụng, các nhận diện và/hoặc có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức;
- Gây mất trật tự trong khu vực tổ chức Đại hội, hoặc trong trụ sở của Công ty;
- Gây rối hoặc cản trở hoạt động bình thường của Đại hội;
- Lôi kéo hoặc kích động người khác gây rối, làm mất trật tự hoặc cản trở hoạt động bình thường của Đại hội;
- Cố tình phát biểu ý kiến, trao đổi khi chưa được sự chấp thuận của Chủ tọa;
- Nói chuyện riêng với các cổ đông khác trong quá trình diễn ra Đại hội;
- Các hành vi khác làm ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc tổ chức Đại hội.

Điều 4. Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa cuộc họp

4.1 Giới thiệu và thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa cuộc họp

4.1.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) làm Chủ tọa cuộc họp hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp và được Đại hội thông qua.

4.1.2 Nhân sự Đoàn Chủ tịch có thể là thành viên HĐQT hoặc nhân sự khác được Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

4.2.1 Quyết định của Chủ tọa cuộc họp về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội có tính hiệu lực cao nhất.

4.2.2 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHCĐ đã có đủ số lượng người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và Chủ tọa được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả những người tham dự họp;
- + Có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.2.3 Chủ tọa cuộc họp có nghĩa vụ tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự đúng theo chương trình đã được thông qua hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4.2.4 Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4.2.5 Chủ tọa có quyền cất ý kiến phát biểu của cổ đông, những người dự họp khác khi có phát biểu dài dòng, không đúng trọng tâm hoặc quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung Chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

4.2.6 Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

5.1. Ban Thư ký Đại hội được Chủ tọa đề cử, gồm 01 Thư ký và 01 thành viên giúp việc.

5.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội.

5.3. Ghi chép đầy đủ, trung thực mọi diễn biến của Đại hội vào Biên bản Đại hội.

5.4. Đọc Biên bản Đại hội và Nghị quyết của Đại hội trước khi bế mạc Đại hội.

5.5. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các cổ đông và chuyển cho Chủ tọa/Đoàn Chủ tịch.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

6.1 Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội chỉ định.

6.2 Ban Kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội, phát Phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan đến Đại hội, báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

6.3 Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối phát Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác của Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 7.1 Chủ tọa Đại hội giới thiệu thành viên Ban Kiểm phiếu và lấy ý kiến thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết tại Đại hội và được thông qua với tỷ lệ đa số quá bán. Thành viên trong Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử viên của HĐQT.
- 7.2 Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.
 - Tổng hợp số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung.
 - Kiểm phiếu biểu quyết và lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
 - Thu lại Phiếu biểu quyết sau khi kết thúc Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo Danh sách cổ đông của Công ty được lập vào ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

- 9.1 Đại hội tiến hành thông qua chương trình Đại hội.
- 9.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội đã được thông qua.
- 9.3 Các quyết định của Đại hội về các vấn đề sau đây được coi là thông qua hợp lệ khi có từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành:
 - + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 3 lần tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - + Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - + Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 9.4 Quyết định của Đại hội về các vấn đề khác trong chương trình Đại hội thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp ĐHCĐ

- 10.1 Biên bản và Nghị quyết họp ĐHCĐ phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 10.2 Biên bản và Nghị quyết họp ĐHCĐ phải được Thư ký Đại hội lưu giữ theo quy định.

Chương IV
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 11. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

- 11.1. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 11.2. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

- 12.1 Quy chế này gồm 5 Chương 12 Điều, được công khai trước khi tiến hành Đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 12.2 Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa cuộc họp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

Phạm Minh Phúc



Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 20/03/2026 được lập bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

QUY ĐỊNH:

I. Quy định chung

- Việc biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (Đại hội); Chương trình Đại hội; Nhân sự đoàn Chủ tịch, Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; Thẻ lệ biểu quyết được thực hiện theo hình thức giơ thẻ biểu quyết và được thông qua với tỷ lệ đa số quá bán.
- Việc biểu quyết thông qua đối với các vấn đề được nêu trong các báo cáo, tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Hội đồng Quản trị (HĐQT) được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín và sử dụng các phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát hành.

II. Nội dung trên phiếu biểu quyết

Phiếu biểu quyết là phiếu in sẵn, trong đó có các thông tin sau:

- Tên cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, số giấy tờ pháp lý (CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKKD))
- Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết;
- Nội dung biểu quyết theo mẫu của Ban Tổ chức Đại hội và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam, được phát cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng ký và đáp ứng đủ điều kiện tham dự Đại hội.

III. Nguyên tắc biểu quyết

- Đối với các nội dung nêu tại tại mục I.2, cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "V" vào một trong các ô tương ứng: *Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến* đối với từng vấn đề trên Phiếu biểu quyết.



2. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - 2.1 Là Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, có đóng dấu của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
 - 2.2 Có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;
 - 2.3 Phiếu biểu quyết không bị rách, gach, tẩy xóa, cạo sửa, sửa chữa.
3. Phiếu biểu quyết được coi là không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả kiểm phiếu khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - 3.1 Phiếu biểu quyết không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra;
 - 3.2 Phiếu biểu quyết không có đóng dấu của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
 - 3.3 Phiếu biểu quyết bị rách, gach, tẩy xóa, cạo sửa, sửa chữa;
 - 3.4 Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - 3.5 Phiếu biểu quyết được cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông điền các nội dung không đúng theo hướng dẫn tại Phiếu biểu quyết và theo Thẻ lệ biểu quyết này;
 - 3.6 Phiếu biểu quyết nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu đã được niêm phong.

IV. Kiểm phiếu kết quả biểu quyết

1. Việc kiểm phiếu biểu quyết do Ban Kiểm phiếu thực hiện. Nhân sự Ban Kiểm phiếu được Chủ toạ đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội.
2. Kết quả biểu quyết chỉ được tổng hợp từ những phiếu biểu quyết hợp lệ.
3. Kết quả kiểm phiếu được thông báo công khai ngay tại Đại hội, được Đại hội thông qua và được ghi vào biên bản họp ĐHĐCĐ.
4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham gia biểu quyết tán thành:
 - 4.1 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 4.2 Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 4.3 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - 4.4 Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 4.5 Tổ chức lại, giải thể Công ty.
5. Các nghị quyết khác không nằm trong các nghị quyết đã quy định tại mục 4 nêu trên được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham gia biểu quyết tán thành.

V. Hiệu lực

Thẻ lệ biểu quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.



Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025

Kết quả hoạt kinh doanh năm 2025 đạt được như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025 (KH)*	Thực hiện 2025 (TH)	% TH/KH	% tăng trưởng
Doanh thu bán hàng	202.067	333.777	340.779	102,10%	169%
Lợi nhuận trước thuế	6.860	43.553	34.901	80,13%	509%

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán).

(*) Kế hoạch năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua bằng văn bản theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CMH ngày 29/03/2025.

Doanh thu hợp nhất toàn tập đoàn của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (CMH Group) năm 2025 là 340,779 tỷ đồng, đạt 102,10% so với kế hoạch năm, đạt bằng 169% so với năm 2024. Trong đó tại Công ty mẹ đạt 340,553 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 99,93% doanh thu hợp nhất toàn tập đoàn.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn tập đoàn của CMH Group năm 2025 là 34,901 tỷ đồng, đạt 80,13% so với kế hoạch năm, đạt bằng 509% so với năm 2024. Trong đó tại Công ty mẹ đạt 44,315 tỷ đồng, chiếm 126,97% lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn tập đoàn.

So sánh với năm 2024, sự biến động tăng trưởng trong năm 2025 xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu là: Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện nghiệm thu và thanh toán khối lượng dở dang của Dự án Cẩm Khê Central Park, qua đó ghi nhận hiệu quả của Dự án. Đồng thời, Công ty cũng đã ghi nhận một phần lợi nhuận từ hoạt động hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ tại Dự án Cẩm Khê Central Park.

II. HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2023 - 2028



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT		Ghi chú
			Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT	28/04/2023		
2	Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT	28/04/2023		
3	Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên HĐQT độc lập	29/03/2025		
4	Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT	29/03/2025		
5	Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	29/03/2025		

2. Thực hiện chức năng quản trị

Thực hiện các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua, HĐQT đã:

- Tổ chức các cuộc họp để kịp thời nắm bắt công việc của CMH Group, cho ý kiến chỉ đạo và ban hành kịp thời các văn bản để xử lý công việc của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD), phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ của CMH Group.
- Nắm bắt được tình hình cụ thể để chỉ đạo Ban TGD khắc phục những tồn tại, đồng thời có các định hướng điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án.
- Lựa chọn công ty kiểm toán uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét báo cáo tài chính, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về việc công bố thông tin đối với công ty đại chúng.
- Các nội dung được HĐQT thông qua trong năm 2025 (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

3. Thực hiện chức năng giám sát

3.1 Giám sát về tổ chức bộ máy

HĐQT đã giám sát, chỉ đạo và căn cứ đề xuất của Ban TGD để điều chỉnh kịp thời về tổ chức bộ máy, phân giao nhiệm vụ cho các cán bộ của bộ máy quản lý điều hành của CMH Group trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của các cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ; tăng cường sự phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện trách nhiệm vụ của mình.

3.2 Giám sát về thực hiện kế hoạch kinh doanh

Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh (KHKD) đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT đã giám sát và có ý kiến về KHKD hàng quý phù hợp với các điều kiện phát sinh thực tế.

Các thành viên HĐQT ý kiến về công tác quản trị và ý kiến về giải quyết các vướng mắc phát sinh trên cơ sở thông tin cập nhật các từ các báo cáo được gửi trực tiếp từ các Dự án, Phòng/Ban chuyên môn và Ban TGD.

HĐQT thực hiện giám sát cùng Ban TGD và các bộ phận liên quan trong công tác thị trường theo định hướng đã được ĐHĐCĐ thông qua, tìm kiếm các dự án mới trong khu vực, duy trì mối quan hệ với chủ đầu tư, nhà thầu chính của các dự án đã thực hiện và đang triển khai.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	% tăng trưởng
Doanh thu	340.779	368.431	108%
Lợi nhuận trước thuế	34.901	29.431	84%
Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	5%	5%	

Chỉ tiêu KHKD năm 2026 được xây dựng trên cơ sở phù hợp các nguồn lực hiện có và tình hình thực tế. Tuy nhiên, dưới sự kiện các yếu tố vĩ mô có thể phát sinh biến đổi bất ngờ, KHKD có thể sẽ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan bất lợi phát sinh chưa lường trước được. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, HĐQT sẽ báo cáo và trình xin ý kiến ĐHĐCĐ tại phiên họp gần nhất.

2. Thù lao thành viên HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026

- Mức thù lao tạm chi trả cho thành viên HĐQT năm 2025 là 252.000.000 VND (chưa bao gồm các khoản chi phí hoạt động khác của HĐQT). Chi phí hoạt động khác của HĐQT thực hiện theo thực tế phát sinh trong năm 2025.
- Mức thù lao cho các thành viên HĐQT năm 2026 sẽ được ĐHĐCĐ thường niên 2027 quyết định trên cơ sở thực tế kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong năm 2026. Trong năm, căn cứ vào tình hình tài chính của CMH Group, CMH Group có thể thực hiện việc tạm ứng trước thù lao cho từng thành viên HĐQT ở mức phù hợp.

3. Nhiệm vụ, kế hoạch của HĐQT năm 2026

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2026.
- Hỗ trợ, giám sát Ban TGD trong triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra.
- Kịp thời ban hành các văn bản để đảm bảo các hoạt động của CMH Group tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- Hỗ trợ Ban TGD trong công tác tìm kiếm, phát triển thị trường nhằm tìm kiếm các dự án phù hợp, hiệu quả.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Phạm Minh Phúc*
CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Minh Phúc

PHỤ LỤC NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo của HĐQT năm 2025 và kế hoạch năm 2026)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT-CMH	10/02/2025	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT-CMH	07/03/2025	Thông qua thời gian, địa điểm và nội dung chương trình họp dự kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT-CMH	25/03/2025	Thông qua danh sách đề cử ứng viên bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT-CMH	28/03/2025	Thông qua việc thay đổi danh sách ứng cử, đề cử để bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT-CMH	04/04/2025	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028	100%
6	01/2025/QĐ-HĐQT-CMH	04/04/2025	Thành phần nhân sự Ủy ban Kiểm toán nhiệm kỳ 2023 - 2028	100%
7	06/2025/NQ-HĐQT-CMH	23/06/2025	Thông qua kế hoạch kinh doanh của CMH Group giai đoạn tháng 6/2025 đến tháng 5/2026 và giới hạn tín dụng phục vụ cho hoạt động kinh doanh giai đoạn tháng 6/2025 đến tháng 5/2026 tại Vietinbank – Chi nhánh Thành An	100%
8	07/2025/NQ-HĐQT-CMH	25/06/2025	Tham gia cùng đối tác làm Nhà đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sơn	100%
9	02/2025/QĐ-HĐQT-CMH	08/07/2025	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Phi	100%
10	08/2025/NQ-HĐQT-CMH	11/08/2025	Thông qua việc ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình hạng mục cọc khoan nhồi và kết cấu phần thân (Bao gồm: Kết cấu, xây trát, ốp lát, Sơn bả) Dự án khách sạn Lomore Phan Thiết	100%
11	09/2025/NQ-HĐQT-CMH	25/11/2025	Thông qua Hợp đồng số 01/2025/HĐTC/MTNTP-CMH ngày 12/11/2025 về việc thi công xây dựng, nghiệm thu bàn giao toàn bộ công việc thi công đường dây cấp điện trung thế từ trạm 110KV thành phố Thanh Hóa đến Trung tâm thương mại Aeon Mall Thanh Hóa giữa Công ty TNHH Hai thành viên Miền Trung Nam Thành phố và CMH Group	100%

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN
NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

1. Kết quả hoạt động năm 2025 của Công ty

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh năm 2025 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch (KH)(*)	Thực hiện (TH)	% TH/KH
Doanh thu	333.777	340.779	102,10%
Lợi nhuận trước thuế	43.553	34.901	80,13%

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán).

(*) Kế hoạch năm 2025 được ĐHCĐ thông qua bằng văn bản theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-CMH ban hành ngày 29/03/2025.

1.2. Tình hình tài chính

1.2.1. Tóm tắt tình hình tài chính công ty mẹ

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng	% (+/-)
I. Tình hình tài sản				
+ Tổng tài sản ngắn hạn	454.830.383.965	513.607.992.591	112,92%	12,92%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	8.412.267.299	11.713.634.300	139,24%	39,24%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.285.547.784	14.401.848.850	108,40%	8,40%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	314.698.693.573	428.441.354.206	136,14%	36,14%
- Hàng tồn kho	103.957.158.087	52.711.805.488	50,71%	-49,29%
- Tài sản ngắn hạn khác	14.476.717.222	6.339.349.747	43,79%	-56,21%
+ Tổng tài sản dài hạn	113.553.117.063	133.696.311.251	117,74%	17,74%
- Các khoản phải thu dài hạn	23.397.760.979	58.951.215.691	251,95%	151,95%
- Tài sản cố định	20.677.746.240	15.260.876.894	73,80%	-26,20%
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	58.795.483.433	55.800.937.710	94,91%	-5,09%
- Tài sản dài hạn khác	10.682.126.411	3.683.280.956	34,48%	-65,52%
+ Tổng tài sản	568.383.501.028	647.304.303.842	113,89%	13,89%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng	% (+/-)
2. Tình hình nợ phải trả				
- Nợ phải trả ngắn hạn	162.140.825.567	185.261.327.602	114,26%	14,26%
- Nợ phải trả dài hạn	143.053.593.804	161.640.503.365	112,99%	12,99%
+ Tổng nợ phải trả	305.194.419.371	346.901.830.967	113,67%	13,67%
3. Giá trị tài sản ròng	263.189.081.657	300.402.472.875	114,14%	14,14%
4. Vốn góp chủ sở hữu	254.525.000.000	254.525.000.000	100,00%	0,00%
5. Các khoản tăng/giảm vốn CSH khác	-441.950.000	-441.950.000	100,00%	0,00%
6. Lợi nhuận của CSH	9.106.031.657	46.319.422.875	508,67%	408,67%
7. Kết quả kinh doanh				
+ Tổng doanh thu	202.966.114.878	355.377.254.022	175,09%	75,09%
- Doanh thu bán hàng	201.911.179.536	340.552.856.696	168,66%	68,66%
- Doanh thu hoạt động tài chính	1.054.935.342	14.824.397.326	1405,24%	1305,24%
+ Tổng chi phí	201.863.641.966	322.867.871.982	159,94%	59,94%
- Giá vốn hàng bán	187.787.384.619	302.112.698.302	160,88%	60,88%
- Chi phí tài chính	2.469.960.527	6.142.410.037	248,68%	148,68%
- Chi phí bán hàng	0	0	0,00%	0,00%
- Chi phí quản lý điều hành	11.606.296.820	14.612.763.643	125,90%	25,90%
+ Lãi lỗ trong Công ty liên kết	0	0	0,00%	0,00%
+ Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.102.472.912	32.509.382.040	2948,77%	2848,77%
+ Lợi nhuận bất thường khác	6.355.953.109	11.805.954.942	185,75%	85,75%
- Doanh thu bất thường	7.412.248.943	12.372.058.501	166,91%	66,91%
- Chi phí bất thường	1.056.295.834	566.103.559	53,59%	-46,41%
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	7.458.426.021	44.315.336.982	594,16%	494,16%
+ Thuế TNDN	1.905.857.776	7.101.945.764	372,64%	272,64%
+ Lợi nhuận sau thuế	5.552.568.245	37.213.391.218	670,20%	570,20%

(Chi tiết xem tại Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán)

1.2.2. Tóm tắt tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng	% (+/-)
1, Tình hình tài sản				
+ Tổng tài sản ngắn hạn	504.403.213.466	563.173.100.871	111,65%	11,65%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	8.437.777.299	11.951.147.863	141,64%	41,64%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.285.547.784	14.401.848.850	108,40%	8,40%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	348.507.722.903	462.027.468.342	132,57%	32,57%
- Hàng tồn kho	119.692.855.872	68.447.503.273	57,19%	-42,81%
- Tài sản ngắn hạn khác	36.202.634.691	32.698.129.256	90,32%	-9,68%
+ Tổng tài sản dài hạn	55.692.289.479	78.206.925.491	140,43%	40,43%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng trưởng	% (+/-)
- Các khoản phải thu dài hạn	23.397.760.979	58.951.215.691	251,95%	151,95%
- Tài sản cố định	20.677.746.240	15.260.876.894	73,80%	-26,20%
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0,00%	0,00%
- Tài sản dài hạn khác	11.616.782.260	3.994.832.906	34,39%	-65,61%
+ Tổng tài sản	560.095.502.945	641.380.026.362	114,51%	14,51%
2, Tình hình nợ phải trả				
- Nợ phải trả ngắn hạn	135.043.898.578	169.951.001.555	125,85%	25,85%
- Nợ phải trả dài hạn	144.648.568.828	163.235.478.389	112,85%	12,85%
+ Tổng nợ phải trả	279.692.467.406	333.186.479.944	119,13%	19,13%
3, Giá trị tài sản ròng	280.403.035.539	308.193.546.418	109,91%	9,91%
4, Vốn góp chủ sở hữu	254.525.000.000	254.525.000.000	100,00%	0,00%
5, Vốn khác chủ sở hữu	-3.668.232	-3.668.232	100,00%	0,00%
6, Lợi nhuận chưa phân phối của CSH	5.928.789.710	37.441.824.550	631,53%	531,53%
7, Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	19.952.914.061	16.230.390.100	81,34%	-18,66%
8, Kết quả kinh doanh				
+ Tổng doanh thu	203.121.717.544	355.603.719.692	175,07%	75,07%
- Doanh thu bán hàng	202.066.527.362	340.779.030.440	168,65%	68,65%
- Doanh thu hoạt động tài chính	1.055.190.182	14.824.689.252	1404,93%	1304,93%
+ Tổng chi phí	202.621.562.973	321.725.237.401	158,78%	58,78%
- Giá vốn hàng bán	186.753.084.619	302.112.698.302	161,77%	61,77%
- Chi phí tài chính	2.469.960.527	3.147.864.314	127,45%	27,45%
- Chi phí bán hàng	0	0	0,00%	0,00%
- Chi phí quản lý điều hành	13.398.517.827	16.464.674.785	122,88%	22,88%
+ Lãi lỗ trong Công ty liên kết	0	0	0,00%	0,00%
+ Lợi nhuận thuần từ HĐKD	500.154.571	33.878.482.291	6773,60%	6673,60%
+ Lợi nhuận bất thường khác	6.359.624.081	1.022.065.261	16,07%	-83,93%
- Doanh thu bất thường	7.416.014.499	12.372.058.842	166,83%	66,83%
- Chi phí bất thường	1.056.390.418	11.349.993.581	1074,41%	974,41%
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	6.859.778.652	34.900.547.552	508,77%	408,77%
+ Thuế TNDN	1.905.857.776	7.110.036.673	373,06%	273,06%

(Chi tiết xem tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

2. Đánh giá về tình hình hoạt động trong năm 2025 của Công ty

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 được lập dựa trên các chuẩn mực kế toán Việt Nam và tính hợp lý của các chứng từ kế toán. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phản ánh đúng, trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2025.

Công ty đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng luật và các chuẩn mực kế toán được ban hành của Nhà nước. Báo cáo tài chính được lập trên hệ thống phần mềm kế toán, sổ sách

Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra. Ủy ban Kiểm toán thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện trên báo cáo kế toán.

Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn tài chính, bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động của Công ty. Công ty đã lập kế hoạch tài chính năm và điều chỉnh theo từng giai đoạn để phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đã chủ động cân đối nguồn vốn một cách hợp lý để thực hiện các khoản đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động và năng lực tài chính của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) của Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết ĐHĐCĐ... Các quyết định của HDQT và Ban TGD được ban hành đúng quy định.

Bên cạnh đó, Ủy ban Kiểm toán nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã chủ động trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai các dự án. Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025 đáp ứng yêu cầu quản lý, góp phần duy trì hoạt động ổn định và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty.

HDQT và Ban TGD cũng luôn duy trì kênh liên lạc và giải quyết kịp thời các thắc mắc của các cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2025

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua và tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ Công ty,...
- Tham gia các cuộc họp của HDQT.
- Kiểm tra, giám sát và kịp thời có ý kiến để các bộ phận chuyên môn có những điều chỉnh cần thiết đối với các thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2026

Năm 2026, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ, Ủy ban Kiểm toán sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty; tham gia các cuộc họp để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác, kịp thời và đưa ra cảnh báo về rủi ro tiềm ẩn (nếu có).

5. Kiến nghị

- Tập trung tìm kiếm các hợp đồng mới phù hợp với định hướng và năng lực của Công ty; đảm bảo dòng tiền lưu động nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động tiêu cực của tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước; phân tích thêm các nguyên nhân có thể làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty để có phương án dự phòng và xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chính xác hơn.
- Việc cân đối dòng tiền cần được xem xét và phân tích kỹ lưỡng.

- Công ty có kế hoạch bổ sung phù hợp và nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự nhằm đáp ứng yêu cầu của kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tập trung vào công tác nghiệm thu thanh toán, tối đa hoá việc thu hồi vốn. Cân đối việc sử dụng các nguồn tài chính một cách hợp lý nhằm tối ưu chi phí sử dụng vốn.
- Thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư cũ, triển khai các khoản đầu tư mới trên cơ sở hiệu quả và hạn chế rủi ro.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Huy Hoàng

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua kết quả kinh doanh, cổ tức năm 2025
và Kế hoạch kinh doanh, dự kiến cổ tức năm 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CMH ngày 29/03/2025; .
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt:

1. Thông qua kết quả kinh doanh và cổ tức năm 2025 với một số chỉ tiêu chính sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	% TH/KH
1	Doanh thu bán hàng	333.777	340.779	102,10%
2	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	43.553	34.901	80,13%
3	Cổ tức	5%	5%	

(Chi tiết xem tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

2. Thông qua kế hoạch kinh doanh và dự kiến cổ tức năm 2026 với một số chỉ tiêu chính sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	% tăng trưởng
1	Doanh thu bán hàng	340.779	368.431	108%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	34.901	29.431	84%
3	Cổ tức	5%	5%	

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.



Phạm Minh Phúc

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty và
Phương án phân phối lợi nhuận**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, phê duyệt:

1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán đính kèm) với các chỉ tiêu tài chính tóm tắt như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Riêng tại Công ty	Hợp nhất Tập đoàn
1	Tổng tài sản	647.304.303.842	641.380.026.362
	Tài sản ngắn hạn	513.607.992.591	563.173.100.871
	Tài sản dài hạn	133.696.311.251	78.206.925.491
2	Tổng nguồn vốn	647.304.303.842	641.380.026.362
	Nợ phải trả	346.901.830.967	333.186.479.944
	Vốn chủ sở hữu	300.402.472.875	308.193.546.418
3	Kết quả kinh doanh		
	Doanh thu bán hàng	340.552.856.696	340.779.030.440
	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	44.315.336.982	34.900.547.552
	Thuế TNDN hiện hành	7.101.945.764	7.110.036.673
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	37.213.391.218	27.790.510.879

(Chi tiết xem tại Báo cáo tài chính Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán)

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	5.928.789.710
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	31.513.034.840

Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	37.441.824.550
Chi trả cổ tức năm 2025	12.726.250.000
Trích lập quỹ dự phòng rủi ro tài chính	0
Trích lập quỹ thi đua khen thưởng	0
Trích lập quỹ phúc lợi	0
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	24.715.574.550

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Phạm Minh Phúc*

Phạm Minh Phúc

1343-C.T.C.P
 TY
 IAN
 DAN
 NAM
 HA NOI

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ các quy định của pháp luật về việc kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn là công ty kiểm toán cho các doanh nghiệp đang niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- 1.1 Có đủ năng lực theo quy định của pháp luật;
- 1.2 Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các doanh nghiệp có các hoạt động tương tự như của Công ty;
- 1.3 Được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- 1.4 Chi phí kiểm toán phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

2. Công ty kiểm toán đề nghị lựa chọn:

Tên công ty: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội

Địa chỉ: 40 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội

Mã số ĐKKD: 0300449815 – 002

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Phạm Minh Phúc*
CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Phạm Minh Phúc

TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn hoạt động quản trị, điều hành của Công ty, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ nhằm cập nhật, hoàn thiện cơ chế quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Vi vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty (đã được sửa đổi, bổ sung) kèm theo Tờ trình này.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX,SSC;
- ĐHQĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Minh Phúc



CMH GROUP
CHẤT LƯỢNG TẠO NIỀM TIN

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện đề Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

Điều 47. Năm tài chính

Điều 48. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 50. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể Công ty

Điều 54. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

12/11/2011

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi là “Công ty”) số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-CMH ngày 24/04/2026 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty và thay thế cho các phiên bản Điều lệ của Công ty trước đây kể từ ngày hiệu lực của Điều lệ này.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;
- o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- p) *Người nội bộ* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;

q) *Sổ giao dịch chứng khoán* là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **CMH VIET NAM GROUP JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **CMH GROUP**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 024 3573 8555

- Fax: 024 3856 4666

- E-mail: info@cmhgroup.vn

- Website: <http://www.cmhgroup.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành nghề ĐKKD	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4	Khai thác và thu gom than bùn	0892
5	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
6	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
7	Xây dựng nhà để ở	4101
8	Xây dựng nhà không để ở	4102
9	Xây dựng công trình đường sắt	4211
10	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11	Xây dựng công trình điện	4221
12	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17	Xây dựng công trình chế biến chế tạo	4293
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299 (Chính)
19	Phá dỡ	4311
20	Chuẩn bị mặt bằng	4312
21	Lắp đặt hệ thống điện	4321
22	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi, điều hòa không khí	4322
23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, Cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí, ... - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
24	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
26	Bán phụ tùng và các bộ phận hỗ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
27	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
28	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

29	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
31	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
32	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
33	Hoạt động kiến trúc và vật tư kỹ thuật có liên quan	7110
34	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
35	Cho thuê xe có động cơ	7710
36	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
37	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
38	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lao động)	7810
39	Đào tạo sơ cấp	8531
40	Đào tạo trung cấp	8532
41	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
42	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
43	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
44	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Mục tiêu của Công ty:

- Phát triển các hoạt động sản xuất và kinh doanh;
- Nâng cao hiệu quả cho mục tiêu tối ưu hóa các khoản lợi nhuận hợp lý;
- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;

- Sử dụng nguồn vốn hợp lý nhằm tối đa hóa lợi ích của các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

b) Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **254.525.000.000** đồng (Hai trăm năm mươi tư tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 25.452.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ủy ban Kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội

đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ủy ban Kiểm toán còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị; thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- d) Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và thành viên Ủy ban Kiểm toán;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập được thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, thành viên độc lập Hội đồng quản trị thuộc Ủy ban kiểm toán hoặc một trong các thành viên Hội đồng quản trị điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10

ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

d) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.

Trong Hội đồng Quản trị có tối thiểu 01 thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

7. Trong trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị khác tạm thời phụ trách công việc của thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới phải được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác (bao gồm các thủ tục thực hiện dự án đầu tư và các hợp đồng liên quan đến dự án đầu tư đó) có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, không bao gồm hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

12. Hội đồng Quản trị có thể lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và qua thư điện tử (email) hoặc các phương tiện điện tử khác theo các quy định về quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ủy ban Kiểm toán;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

5. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;



e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam nhất trí thông qua ngày 24/04/2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 01 (một) bản gốc và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Minh Phúc

TỜ TRÌNH

V/v: sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Trên cơ sở rà soát Quy chế Quản trị nội bộ Công ty nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn hoạt động quản trị, điều hành của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế Quản trị nội bộ Công ty nhằm cập nhật, hoàn thiện cơ chế quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Vi vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ Công ty (đã được sửa đổi, bổ sung) kèm theo Tờ trình này.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX,SSC;
- ĐHQĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *Phạm Minh Phúc*



Phạm Minh Phúc

Số: 01/2026/QC-HĐQT-CMH

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-CMH ngày 24/04/2026.

QUY ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty, bao gồm những nội dung chính sau đây:
 - Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán;
 - Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc;
 - Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (CMH Group) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

2.1. Giải thích từ ngữ

- a. **Quản trị công ty:** là hệ thống các nguyên tắc để:
- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- b. **Người quản lý công ty:** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- c. **Người điều hành công ty:** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- d. **Công ty con:** là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có và có một trong các quan hệ sau đây với CMH Group:
- CMH Group sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - CMH Group có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;
 - CMH Group có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
- e. **Công ty liên kết:** là các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có; CMH Group sở hữu dưới 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó và doanh nghiệp đó không phải là công ty con của CMH Group.
- f. **Ủy ban Kiểm toán:** là Ủy ban Kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị
- g. **Ban Tổng Giám đốc:** bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc
- h. Các thuật ngữ khác được quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.2. Viết tắt

- a. Công ty/CMH Group: Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam
- b. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- c. HDQT: Hội đồng Quản trị
- d. TGD: Tổng Giám đốc
- e. UBKT: Ủy ban Kiểm toán

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

- 3.1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 3.2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau:
- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 03 (ba) lần tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, thành viên UBKT gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, UBKT;
 - Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, UBKT;
 - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

4.1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- HĐQT có thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường phải được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty.

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản này.
- 4.2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
 - Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
 - Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 4.3. Thông báo về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:
- Công ty phải xác định và công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để làm cơ sở chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Đồng thời báo cáo và nộp tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ chậm nhất là 10 ngày trước ngày gửi thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ. Việc lập danh sách cổ đông dựa trên dữ liệu mà Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng.
- 4.4. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ:
- Thủ tục thông báo họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty được thực hiện quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ phải gửi văn bản đề xuất cùng các tài liệu chứng minh về số lượng, thời gian nắm giữ cổ phiếu, biên bản đề xuất thống nhất nội dung đề xuất của cổ đông, nhóm cổ đông.
- 4.5. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ:
- Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức sau: thông qua các hình thức thư điện tử hoặc thư gửi qua bưu điện trong thời hạn được nêu tại Thông báo mời họp

ĐHĐCĐ.

- b. Nếu cổ đông không thể tham dự họp ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo các quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền hoặc văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật được đính kèm thông báo mời họp.
- c. Việc chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trước thời hạn tổ chức ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- d. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- e. Cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được tiến hành và biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng và không thay đổi.

4.6. Điều kiện tiến hành:

Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.7. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Nghị quyết của ĐHĐCĐ có thể được thông qua bằng một trong những hình thức sau đây:

- a. Hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ: áp dụng đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền.
- b. Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: áp dụng đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
- c. Hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

4.8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả biểu quyết:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.9. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:

- a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh có các nội dung chủ yếu sau:

(i) Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp

- (ii) Thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ
 - (iii) Chương trình họp và nội dung cuộc họp
 - (iv) Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
 - (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp.
 - (vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó có ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - (viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
- c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa, Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- d. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- e. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại các cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục.
- f. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4.11. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ:

Biên bản họp ĐHĐCĐ/Biên bản kiểm phiếu, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua và phải được lưu giữ, truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

4.12. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ

đồng bằng văn bản.

- 4.13. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, ĐHĐCĐ có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình bằng cách lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức Công ty trực tiếp thực hiện và/hoặc sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định về việc cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ được thực hiện theo Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty và đúng quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến

- 6.1. Công ty có thể áp dụng hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác để tổ chức họp và thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- 6.2. HĐQT chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng các quy chế, quy trình; chuẩn bị phương tiện để đảm bảo việc lấy ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức được quy định tại khoản 6.1. phù hợp với công nghệ và quy định pháp luật từng thời kỳ.

Điều 7. Thông báo nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng

Công ty có trách nhiệm thông báo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ

- 8.1. Trong trường hợp cổ đông phản đối quyết định của ĐHĐCĐ thì cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự ĐHĐCĐ và nội dung, lý do về việc phản đối. Văn bản này được chuyển đến Thư ký cuộc họp để ghi nhận.
- 8.2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó có ghi rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phải tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Điều 10. Tham dự ĐHĐCĐ của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên.

Chương III**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 11. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

- 11.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 11.2. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 13. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

13.1. Thành viên HĐQT phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c. Có năng lực lãnh đạo, liêm chính, đạo đức, trách nhiệm.
- d. Có khả năng cân bằng lợi ích của các bên có lợi ích liên quan và đưa ra quyết định hợp lý.
- e. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh TGD của Công ty.
- f. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là Thành viên của HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.
- g. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

13.2. Ngoài quy định tại khoản 13.1, Thành viên độc lập HĐQT còn phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc

công ty con của Công ty.

- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, UBKT của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 14. Cách thức ứng cử, đề cử và bầu thành viên HĐQT

14.1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

14.2. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT: Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ chuyên môn.
- c. Quá trình công tác.
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác).
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

14.3. Cách thức bầu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Điều 15. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

15.1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

15.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Cuộc họp của HĐQT

HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của HĐQT.

Điều 17. Người phụ trách quản trị Công ty

Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 18. Các Tiểu ban của HĐQT

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 19. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

- 19.1. Công ty có quyền trả thù lao và lợi ích khác cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 19.2. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 19.3. Thành viên HĐQT được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 19.4. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Chương IV**ỦY BAN KIỂM TOÁN****Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của UBKT**

UBKT có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 20.1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT.
- 20.2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT.
- 20.3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
- 20.4. Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- 20.5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 20.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua.

Điều 21. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên UBKT

Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên UBKT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương V**TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 22. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của TGD**

TGD là người giữ chức vụ cao nhất của Ban TGD, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 23. Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với TGD

Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với TGD được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương VI**CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC****Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, UBKT và TGD**

24.1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, UBKT và TGD:

- a. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT có thể mời Ban TGD hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp HĐQT.
- b. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này và quy định của Công ty.
- c. Tại các phiên họp định kỳ/đột xuất của Ban TGD, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch UBKT, thành viên UBKT cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp gửi về HĐQT, UBKT để báo cáo.

24.2. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT cho TGD

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến TGD theo quy định.

24.3. Các trường hợp TGD, UBKT đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

- a. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;
 - Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

- b. Đề nghị quy định tại khoản a Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

24.4. Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- a. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ định kỳ cũng như các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định và khi được yêu cầu.
- b. TGD có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và báo cáo kịp thời các công việc theo Nghị quyết HĐQT và các vấn đề khác được HĐQT/Chủ tịch HĐQT ủy quyền thực hiện.
- c. TGD phải báo cáo trong các cuộc họp HĐQT về các vấn đề như: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động điều hành Công ty theo quy định; các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác.
- d. TGD phải trình HĐQT kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- e. TGD chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin theo quy định của Công ty.
- f. TGD có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với HĐQT. UBKT bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Công ty.
- g. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của HĐQT, TGD và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo kịp thời.

24.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD

TGD chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết HĐQT và các vấn đề được HĐQT phân cấp/ủy quyền đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện.

24.6. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành

viên UBKT và TGD theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

- a. Thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành, giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Công ty.
 - b. Việc phối hợp này nhằm tránh xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật.
- 24.7. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD và các người điều hành doanh nghiệp khác
- a. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên HĐQT, TGD và các người điều hành khác của Công ty.
 - b. Chủ tịch UBKT toán tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên UBKT.
 - c. Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá, khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản thi hành

- 25.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và các nội dung trước đây trái với Quy định này hết hiệu lực thi hành.
- 24.1. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của CMH Group và pháp luật. Khi nào có nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của pháp luật thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Điều lệ của Công ty và Quy chế này thì Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 24.2. Các thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Ban TGD, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban và các cá nhân/đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
- 24.3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT trình ĐHĐCĐ Công ty thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- UBKT;
- Ban TGD;
- Các Phòng/Ban;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Minh Phúc

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc ký kết Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng bổ sung các hạng mục: thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Dự án Khách sạn Lemore Phan Thiết

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phê duyệt việc Công ty ký kết Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng bổ sung các hạng mục: Thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị (bao gồm: phòng cháy chữa cháy, thang máy, điện, cấp thoát nước, điều hòa không khí); Cung cấp và lắp đặt nội thất thuộc Dự án Khách sạn Lemore Phan Thiết với Công ty Cổ phần Lemore Phan Thiết (là bên có liên quan do ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là cổ đông lớn của Lemore Phan Thiết), với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi gói thầu: Thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị (bao gồm: Phòng cháy chữa cháy, Thang máy, Điện, Cấp thoát nước, Điều hòa không khí); Cung cấp và lắp đặt nội thất thuộc Dự án Khách sạn Lemore Phan Thiết.
2. Tổng giá trị tạm tính: 299.778.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi chín tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Giá trị cụ thể & chi tiết sẽ cập nhật trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng khi Dự toán chi tiết của Dự án được Chủ đầu tư phê duyệt.

3. Tiến độ dự kiến thực hiện Hợp đồng: 502 ngày (bao gồm cả các ngày nghỉ lễ, Tết...) kể từ ngày CĐT bàn giao đủ mặt bằng thi công.
4. Nội dung khác:
 - Cho phép Hội đồng quản trị được phê duyệt điều chỉnh giá trị hợp đồng trong phạm vi $\pm 10\%$ so với giá trị Hợp đồng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhằm chủ động xử lý các biến động thực tế về chi phí đầu tư, giá nguyên vật liệu, điều kiện thị trường và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình triển khai Dự án;
 - Giao Hội đồng quản trị quyết định các nội dung chi tiết khác của Hợp đồng (bao gồm việc huy động vốn vay từ ngân hàng/cá nhân/tổ chức khác).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX, SSC;
- ĐHQĐĐ;
- Lưu VT.



Phạm Minh Phúc

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại khu đất đơn vị ở phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại khu đất đơn vị ở phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ với các nội dung chính như sau:

I. Tổng quan dự án

- **Tên dự án:** Khu nhà ở xã hội tại khu đất đơn vị ở phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.
- **Địa điểm thực hiện dự án:** Khu 12 (khu đất thu hồi của Trường Tiểu học Hòa Bình cũ), phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.
- **Quy mô dự án:**
 - + Tổng diện tích đất: 3.834,0 m² (trong đó đất xây dựng công trình: 1.584 m²).
 - + Quy mô xây dựng: 01 tòa nhà ở xã hội gồm 02 tầng hầm và 15 tầng nổi, có kiến trúc hiện đại, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan.
 - + Cơ cấu sản phẩm: Dự kiến cung cấp 221 căn hộ nhà ở xã hội.
- **Tổng mức đầu tư dự kiến:** 355.634.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi lăm tỷ, sáu trăm ba mươi tư triệu đồng).
- **Cơ cấu nguồn vốn dự kiến:**
 - + Vốn góp của nhà đầu tư: 120.000.000.000 đồng (chiếm khoảng 33,7% tổng mức đầu tư).
 - + Vốn huy động khác: 235.634.000.000 đồng (chiếm khoảng 66,3% tổng mức đầu tư).
- **Tiến độ thực hiện dự án:**
 - + Dự kiến khởi công: Quý I năm 2026.
 - + Dự kiến hoàn thành: Trong năm 2027.
 - + Thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng và hoàn thành dự án: từ tháng 01/2026 đến tháng 12/2027.
- **Thời hạn hoạt động của dự án:** Tối đa 50 năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất/cho thuê đất/chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- **Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:** Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về nhà ở xã hội và đầu tư xây dựng.

Việc đầu tư Dự án nêu trên phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong lĩnh vực bất động sản và phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội – lĩnh vực được Nhà nước khuyến



khích. Dự án góp phần mở rộng quy mô hoạt động, gia tăng giá trị tài sản, đồng thời tạo nguồn doanh thu ổn định và nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường.

II. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua chủ trương đầu tư Dự án nêu trên;
2. Thông qua tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn dự kiến như tại Mục I;
3. Cho phép Hội đồng quản trị được điều chỉnh tổng mức đầu tư của Dự án trong phạm vi $\pm 10\%$ so với tổng mức đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhằm chủ động xử lý các biến động thực tế về chi phí đầu tư, giá nguyên vật liệu, điều kiện thị trường và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình triển khai Dự án;
4. Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt phương án huy động vốn phục vụ cho Dự án (bao gồm: vốn vay ngân hàng/cá nhân/tổ chức khác hoặc vốn huy động hợp pháp khác). Tổng số vốn huy động không vượt quá 63,3% tổng mức đầu tư.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX,SSC;
- ĐHCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *shuy*
CỘNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Phạm Minh Phúc



TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua chủ trương tham gia đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật
Cụm công nghiệp Kim Sơn**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua chủ trương Công ty tham gia cùng đối tác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sơn với các thông tin chính như sau:

I. Tổng quan dự án

- **Tên dự án:** Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Kim Sơn
- **Địa điểm:** Xã Kim Sơn (nay là xã Phú Sơn), huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- **Quy mô dự án:** Diện tích khoảng 72ha
- **Tổng mức đầu tư dự kiến:** khoảng 1.288.362.308.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm tám mươi tám tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm linh tám nghìn đồng*)
Cơ cấu nguồn vốn dự kiến:
 - + Vốn tự có của Chủ đầu tư là 193.254.346.200 đồng (15% tổng mức đầu tư)
 - + Vốn vay ngân hàng/huy động khác là 1.095.107.961.800, đồng (85% tổng mức đầu tư)
- **Hình thức tham gia đầu tư:**
 - + Công ty dự kiến tham gia dự án thông qua hợp tác với Công ty cổ phần Đầu tư KS;
 - + Trong trường hợp Dự án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, các bên sẽ thành lập Tổ Chức Kinh Tế để triển khai thực hiện dự án.
- **Tỷ lệ tham gia góp vốn tại Tổ Chức Kinh tế dự kiến:**
 - + Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam: chiếm 70% vốn Điều lệ (tương đương khoảng 135.278.042.340 đồng);
 - + Công ty cổ phần Đầu tư KS: chiếm 30% vốn Điều lệ (tương đương khoảng 57.976.303.860 đồng).
- **Thời gian thực hiện dự án:** Tiến độ dự kiến 24 tháng kể từ ngày được cơ quan thẩm quyền cấp Quyết định thành lập cụm công nghiệp đồng thời xác định Nhà đầu tư thực hiện dự án, cụ thể: hoàn thành trong Quý IV/2027
- **Thời hạn hoạt động của dự án:** Tối đa 50 năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất/cho thuê đất/chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Việc tham gia đầu tư Dự án phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đồng thời góp phần phát huy năng lực thi công và quản lý dự án, mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng giá trị doanh nghiệp và củng cố vị thế của Công ty trên thị trường.



II. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua chủ trương đầu tư Dự án nêu trên;
2. Thông qua phương án đầu tư Dự án theo hình thức tham gia góp vốn thành lập Tổ Chức Kinh Tế thực hiện Dự án với cơ cấu tham gia góp vốn của Công ty là 70% vốn Điều lệ của Tổ chức Kinh tế thực hiện Dự án;
3. Cho phép Hội đồng quản trị được điều chỉnh Giá trị vốn góp của Công ty tại Tổ Chức Kinh Tế thực hiện Dự án trong phạm vi $\pm 10\%$ so với tổng số vốn góp dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX,SSC;
- ĐHDCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *Phạm Minh Phúc*



Phạm Minh Phúc



7343-C.I.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Số: 09/2026/TTr-HĐQT-CMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc chấp thuận cho ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT hoặc nhóm cổ đông (gồm ông Phạm Minh Phúc và người có liên quan) mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu và đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;

Xét theo đề nghị của Ông Phạm Minh Phúc, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua việc chấp thuận cho Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT Công ty hoặc nhóm cổ đông (gồm ông Phạm Minh Phúc và người có liên quan) mua cổ phần của Công ty (Mã chứng khoán: CMS) để tăng tỷ lệ sở hữu và đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX,SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Phạm Minh Phúc*
Phạm Minh Phúc
CỘNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
M.S.D.N: 010250734

Phạm Minh Phúc

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương về việc thoái/giảm vốn góp cổ phần của Công ty tại Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại (mã số doanh nghiệp: 0104075049) và Công ty cổ phần Xây lắp môi trường (mã số doanh nghiệp: 6400308865)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
 - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam;
 - Căn cứ nhu cầu thực tế và định hướng phát triển của Công ty.
1. Thông tin khoản đầu tư góp vốn cổ phần xin chủ trương thoái/giảm vốn
 - 1.1. Khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường
 - Mã số doanh nghiệp: 6400308865
 - Địa chỉ trụ sở: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam
 - Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
 - Giá trị vốn góp của Công ty: 34.219.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ sở hữu 68,44%)
 - Giá trị đầu tư ban đầu: 41.924.570.000 đồng
 - 1.2. Khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại
 - Mã số doanh nghiệp: 0104075049
 - Địa chỉ trụ sở: Ô 60, Khu A ĐG CĐĐ, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, TP Hà Nội
 - Vốn điều lệ: 21.030.000.000 đồng
 - Giá trị vốn góp của Công ty: 21.030.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ sở hữu 100%)
 - Giá trị đầu tư ban đầu: 21.030.000.000 đồng
 2. Đánh giá tình hình khoản đầu tư
 - Khoản đầu tư góp vốn tại các công ty nêu trên không còn phù hợp với định hướng phát triển chiến lược hiện tại của CMH Group, đặc biệt trong bối cảnh cần tập trung nguồn lực cho các dự án đầu tư bất động sản và xây dựng trọng điểm.
 - Hiệu quả sử dụng vốn chưa đạt kỳ vọng, chưa phát huy được giá trị đầu tư.
 - Việc tiếp tục duy trì phần vốn góp tại các công ty nêu trên có thể làm phân tán nguồn lực tài chính và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn tổng thể của Công ty.
 3. Sự cần thiết thoái/giảm vốn



- Tái cơ cấu danh mục đầu tư, tập trung vào lĩnh vực cốt lõi.
 - Thu hồi vốn để bổ sung nguồn lực cho các dự án trọng điểm.
 - Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông.
4. Tổ chức thực hiện

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thoái/giảm vốn đối với toàn bộ/hoặc một phần vốn đã góp của Công ty tại các Công ty nêu trên và giao cho Hội đồng quản trị:

- a). Tổ chức thực hiện đánh giá lại giá trị phần vốn góp cổ phần của Công ty tại các Công ty nêu trên theo quy định.
- b). Lựa chọn thời điểm thoái/giảm vốn và phương thức thoái/giảm vốn phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn bởi phương thức: chuyển nhượng cổ phần, bán đấu giá, ... hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật).
- c). Quyết định số lượng/giá trị phần vốn góp thực hiện thoái/giảm vốn tại các Công ty nêu trên; giá chuyển nhượng; phương thức chuyển nhượng và đối tác nhận chuyển nhượng,

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HNX,SSC;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Phạm Minh Phúc*



Phạm Minh Phúc

